Ký bởi: Cổng Thông tin-Giao tiếp điện tử Vĩnh Phúc
Email: congthongtin@vinhphuc.gov.vn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2018/NQ-HĐND	*Vĩnh Phúc, ngày 09 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của các cấp ngân sách từ nguồn sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 20 /TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc đề nghị ban hành Nghị quyết phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của các cấp ngân sách từ nguồn sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân định cụ thể nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của các cấp ngân sách từ nguồn sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường của tỉnh;

b) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh;

c) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh; điều tra, đánh giá, phân loại các làng nghề trên địa bàn tỉnh theo mức độ ô nhiễm môi trường;

d) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của tỉnh;

đ) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải; điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải, đánh giá sức chịu tải của môi trường thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ;

e) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do tỉnh quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng chính phủ;

- Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

g) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện

3

các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, bao gồm: Quan trắc đa dạng sinh học của tỉnh; xây dựng báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của tỉnh; báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn do tỉnh quản lý; lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh; thống kê đa dạng sinh học theo quyết định của cấp có thẩm quyền; xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của tỉnh; lập báo cáo về loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ của tỉnh; lập hồ sơ đề cử các khu bảo tồn đạt các danh hiệu quốc tế về bảo tồn, bao gồm các khu đất ngập nước, khu dự trữ sinh quyển, vườn di sản; phân vùng, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm do tỉnh quản lý; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học của tỉnh; xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng chiến lược, kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh; hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch hành động đa dạng sinh học của tỉnh;

h) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường tỉnh; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của tỉnh;

i) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển;

k) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định;

l) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

m) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh;

n) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có);

o) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

p) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường;

q) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của tỉnh.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

a) Xây dựng, điều chỉnh chương trình, đề án, kế hoạch về bảo vệ môi trường của cấp huyện; xây dựng, thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của cấp huyện;

b) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn huyện;

c) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải;

d) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

- Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải); thu gom xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn;

- Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

đ) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, bao gồm: Thống kê đa dạng sinh học theo quyết định của cấp có thẩm quyền; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học;

e) Thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường cấp huyện và tích hợp với cơ sở dữ liệu môi trường của tỉnh (không bao gồm hoạt động quan trắc, phân tích môi trường); báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cấp huyện;

g) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội); Nội dung hỗ trợ cụ thể do UBND tỉnh quy định;

h) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển;

i) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định;

k) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của cấp huyện và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

l) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có);

m) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện;

n) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ bảo vệ môi trường cấp xã; thẩm định, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo ủy quyền của UBND cấp huyện; điều tra, khảo sát xây dựng, điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn;

b) Hoạt động kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn cấp xã;

c) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải);

d) Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

đ) Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp xã;

e) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo

quyết định của cấp có thẩm quyền); chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định;

g) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp cấp xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này bãi bỏ nội dung chi thường xuyên sự nghiệp bảo vệ môi trường quy định tại: Điểm b, Khoản 1, Điều 2; Điểm b, Khoản 2, Điều 2; Điểm b, Khoản 3, Điều 2 trong Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp: tỉnh, huyện, xã ổn định giai đoạn 2017-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu đã áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì được áp dụng theo văn bản mới đó.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết;

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Khóa XVI, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy;
- Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc,
Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- CPVP, CV VPHĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Vinh